TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – ĐỒNG THÁP** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29/12/2025
"V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Tuyết Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hải
2. Ông Nguyễn Phú Hữu

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Khuyên – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 6 – ĐT, tỉnh ĐT.

Trong các ngày 12/12, ngày 29 tháng 12 năm 2025. Tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 - ĐT, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 145/2025/TLST-HNGĐ, ngày 27/10/2025 về việc "*Tranh chấp về hôn nhân gia đình ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 233/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/11/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 155/2025/QĐST-DS ngày 12/12/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 6 - ĐT, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Lê Kim Ph, sinh năm 2006 (có mặt).

Địa chỉ: Số 735, Tổ 26, Ấp 01, xã Phong Mỹ, huyện CL, tỉnh ĐT (Nay là: Số 735, Tổ 26, Ấp 01, xã Phong Mỹ, tỉnh ĐT).

Bị đơn: Nguyễn Văn L, sinh năm 2001 (vắng mặt).

Địa chỉ: Nhà không số, đường Cách mạng tháng tám, Tổ 92, khóm Mỹ Thiện, Phường 3, thành phố CL, tỉnh ĐT

(Nay là: Nhà không số, đường Cách mạng tháng tám, Tổ 92, khóm Mỹ Thiện, Phường CL, tỉnh ĐT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tại phiên họp, hòa giải và tại phiên tòa bà Lê Kim Ph trình bày:

Về quan hệ hôn nhân và gia đình: Bà Phượng và ông Linh sau thời gian quen biết, tìm hiểu thì tổ chức đám cưới năm 2024 và có đăng ký kết hôn tại UBND Phường 3, thành phố CL, tỉnh ĐT vào ngày 22/05/2024.

Thời gian đầu, vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không còn tiếng nói chung, vì thương con nên vợ chồng có tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không thành và hiện mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, nên bà Phượng đã về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 08/2024 cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng không liên lạc, không có ý định hàn gắn tình cảm, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Phượng yêu cầu được ly hôn với ông Linh.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Thanh Ngân, sinh ngày 23/9/2024, hiện con chung đang sống chung với bà Phượng. Khi ly hôn, bà Phượng yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Ngọc Thanh Ngân và yêu cầu ông Linh cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng là 3.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng là từ khi có quyết định, bản án của Toà án cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Tại phiên họp, bà Phượng thay đổi yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung, bà Phượng không yêu cầu ông Linh cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn Văn L nhưng ông Linh không có văn bản ý kiến hay yêu cầu gì và vắng mặt tại phiên họp, hòa giải và tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của bà Lê Kim Ph và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên là "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình – Ly hôn, nuôi con"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về thẩm quyền giải quyết:* Xét thấy, địa chỉ của bị đơn ông Nguyễn Văn L tại tổ 92, khóm Mỹ Thiện, Phường CL, tỉnh ĐT nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân Khu vực 6 – ĐT, tỉnh ĐT theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Bị đơn ông Nguyễn Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông Linh vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào khoản 2, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Linh.

[4]. *Nội dung vụ án:*

[4.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Kim Ph yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Lê Kim Ph và ông Nguyễn Văn L tổ chức đám cưới và chung sống với nhau năm 2024 và có đăng ký kết hôn tại UBND Phường 3, thành phố CL (nay là phường CL), tỉnh ĐT vào ngày 22/05/2024 là hôn nhân hợp pháp.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không còn tiếng nói chung, vì thương con nên vợ chồng có tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không thành và hiện mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn nên bà Phượng đã về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 08/2024 cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng không liên lạc, không có ý định hàn gắn tình cảm, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Phượng yêu cầu được ly hôn với ông Linh.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Văn L nhưng ông Linh không có văn bản ý kiến về trình bày đối với yêu cầu của bà Phượng, vắng mặt tại các phiên họp, hòa giải và tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và tại khoản 3 Điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ_HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối Cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân gia đình *"...Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được".* Bà Phượng và ông Linh không hàn gắn được với nhau, không còn quan tâm, chăm sóc nhau và đã sống ly thân từ tháng 8/2024 đến nay. Do đó, xét yêu cầu của bà Lê Kim Ph yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn L là có căn cứ theo Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[4.2]. Về con chung*:* Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Thanh Ngân, sinh ngày 23/9/2024.

Xét yêu cầu về nuôi con chung: Hiện con chung Nguyễn Ngọc Thanh Ngân dưới 36 tháng tuổi, đang sống chung với bà Phượng là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc từ khi sinh đến nay và sống ổn định với bà Phượng. Ông Nguyễn Văn L không có văn bản ghi ý kiến và vắng mặt tại họp, hòa giải và tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà Lê Kim Ph về nuôi con chung. Giao con chung Nguyễn Ngọc Thanh Ngân cho bà Phượng được tiếp

tục nuôi dưỡng.

Tại phiên họp và phiên tòa, bà Phượng thay đổi yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung, bà Phượng không yêu cầu ông Nguyễn Văn L cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[4.3]. *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà Phượng trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Do đó, án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình ly hôn là 300.000 đồng bà Lê Kim Ph phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Lê Kim Ph đã nộp tạm ứng là 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0005629 ngày 22/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh ĐT. Bà Lê Kim Ph đã nộp xong tiền án phí.

Ông Nguyễn Văn L không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 273 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Kim Ph. Bà Lê Kim Ph được ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

[2]. *Về con chung:* Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Thanh Ngân, sinh ngày 23/9/2024. Hiện con chung đang sống với bà Phượng. Bà Lê Kim Ph được tiếp tục nuôi con chung Nguyễn Ngọc Thanh Ngân.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Phượng không yêu cầu ông Nguyễn Văn L cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3]. Về tài sản chung và nợ chung*:* Không có. Bà Lê Kim Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. *Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình*: là 300.000 đồng bà Lê Kim Ph phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Lê Kim Ph đã nộp tạm ứng là 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0005629 ngày 22/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh ĐT. Bà Lê Kim Ph đã nộp xong tiền án phí.

Ông Nguyễn Văn L không phải chịu án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Khu vực 6-ĐT;
- Tòa án Tỉnh;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Tuyết Nga